

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỪNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG
Bản án số: 76/2024/HS-ST
Ngày 20 - 8 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bé Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Xuân và ông Phương Ngọc Báu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 70/2024/TLST - HS ngày 01 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Đàm Văn N; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 27/11/1986 tại xã Đ, huyện T, tỉnh C;

Nơi thường trú và nơi ở: xóm P, xã Đ, huyện T, tỉnh C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông Đàm Văn K (sinh năm 1958) và bà Nông Thị T (sinh năm 1953); Vợ: Nông Thị L (sinh năm 1989) và 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/5/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh C. (Có mặt)

*** Bị hại:** Công ty Cổ phần K1.

Địa chỉ: xóm P - Cô B, xã P, huyện T, tỉnh C.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị G - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người được ủy quyền: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện H, tỉnh C - Thủ kho (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đàm Văn N, sinh năm 1986, trú tại xóm P, xã Đ, huyện T, tỉnh C thường xuyên qua lại khu vực mỏ quặng Lũng Luông, thuộc Công ty Cổ phần K1; có địa chỉ tại xóm P - Cô B, xã P, huyện T, tỉnh C nên biết được mỏ quặng thường xuyên không có người trông coi. Khoảng 17 giờ ngày 26/11/2023, N mang theo 01 con dao quắm đi từ nhà đến khu vực mỏ quặng Lũng Luông mục đích để trộm cắp tài sản. Đến nơi, quan sát thấy không có ai trông coi, N sử dụng dao cạy cửa sổ và đi vào phòng hành chính (nhà làm việc và nghỉ ngơi của cán bộ khu mỏ) lục lọi nhưng không thấy đồ vật gì có giá trị. Nhâm lấy chiếc kim ở trên bàn, đi ra ngoài đến trước cửa phòng hành chính cất lấy 01 bảng điện đang gắn trên tường. Sau đó, N đi sang khu vực dãy nhà kho. Nhìn thấy hai phòng kho thứ hai và thứ ba khóa cửa, N sử dụng một thanh sắt nhặt được ở gần đó để phá khóa. Mở được cửa, nhìn thấy bên trong có nhiều đồ đạc, N đi vào lấy 01 động cơ điều tốc mang ra ngoài trước, sau đó quay vào lấy một xô nhựa đi đến chiếc thùng phi đổ lấy dầu nhớt rồi mang ra ngoài để cạnh động cơ điều tốc. Nhâm tiếp tục sang phòng kho kế bên phá khóa. Mở cửa vào, nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu đỏ, N liền dắt xe ra phía bên ngoài dựng ở cạnh chiếc động cơ điều tốc và thùng dầu nhớt. Nhâm quay vào tiếp tục sang phòng bên cạnh, thấy phòng không khóa cửa, N cầm lấy 01 bảng điện để trên bàn rồi đi ra ngoài. Quan sát thấy không còn tài sản gì giá trị, N mang những tài sản trộm cắp được đi cất giấu tại một đám cỏ voi thuộc xóm N - Bản P, xã P, huyện T. Khoảng 03 ngày sau, N đến vị trí cất giấu tài sản trộm cắp để sửa xe mô tô. Để tránh bị phát hiện, N tháo yếm, vỏ nhựa và biển số mang đi đốt cách vị trí cất giấu xe khoảng 100 mét. Sửa được xe, N sử dụng xe mô tô trộm được chở động cơ điều tốc đi cất giấu ở một bụi rậm khác, còn xe mô tô và thùng dầu nhớt Nhâm mang về nhà của mình tại xóm P, xã Đ, huyện T cất giấu. Ngày hôm sau, N đã bán chiếc động cơ điều tốc cho một người thu mua sắt vụn được 260.000 đồng.

Ngày 25/12/2023, chị Hoàng Thị H, thủ kho của Công ty Cổ phần K1 có địa chỉ xóm P - Cô B, xã P, huyện T, tỉnh C trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T về việc mất trộm tài sản nêu trên. Quá trình xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định được Đàm Văn N là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và tạm giữ 01 xe mô tô; 14 lít dầu nhớt; 02 bảng điện; 01 kim kim loại hình chữ T; 01 dao quắm; 01 thanh kim loại; 01 máy mài và 01 cờ lê; 01 đèn pin; 02 ổ khóa V đã bị hỏng theo quy định pháp luật.

Ngày 26/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra văn bản Yêu cầu định giá tài sản. Tại Kết luận định giá tài sản số 20 ngày 05/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE biển kiểm soát 20M4-0092 thời điểm định giá, ngày 26/11/2023 có giá trị là 1.167.000 đồng; 14 lít dầu bôi trơn động cơ nhãn hiệu ENEOS thời điểm định giá ngày 26/11/2023 có giá trị là 1.050.000 đồng; 01 động cơ điều tốc thời điểm định giá ngày 26/11/2023 có giá trị là 280.000 đồng; 02 bảng điện màu trắng không định giá.

Trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản làm việc; biên bản xác định hiện trường, bản ảnh; lời khai của bị hại và vật chứng của vụ án.

Vật chứng vụ án gồm: 01 xe mô tô; 01 thùng dầu nhớt; 01 kim kim loại; 02 bảng điện. Quá trình điều tra đã xác định rõ chủ sở hữu, việc trả lại tài sản không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, ngày 05/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật. Đối với 02 ổ khóa Việt Tiệp; 01 đèn pin; 01 thanh kim loại chữ T; 01 cờ lê; 01 máy mài hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng Công an huyện T, tỉnh C. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã ban hành quyết định chuyển vật chứng của vụ án từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh để đảm bảo việc xét xử và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 71/CT-VKSTK ngày 01 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố bị cáo Đàm Văn N ra trước Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh C để xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đàm Văn N thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên, đại diện theo ủy quyền của bị hại khai nhận về sự việc, đúng như lời khai mà bị cáo đã khai. Bị hại không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo và cũng không đề nghị, yêu cầu bồi thường gì thêm.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên nhận định bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức khi thực hiện hành vi của mình nhưng vẫn cố tình phạm tội, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đàm Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N. Xử phạt bị cáo Đàm Văn N từ 06 tháng tù đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng:

+ 01 (một) con dao quắm bằng kim loại có tra cán gỗ, chiều dài 39 cm, phần kim loại dài 30 cm, phần cán gỗ dài 9 cm;

+ 02 (hai) ổ khóa V đã bị hư hại;

+ 01 (một) thanh kim loại hình chữ “T” có màu xám đen, kích thước 17 cm, một đầu có gắn hình trụ tròn;

+ 01 (một) máy mài đã qua sử dụng có màu nâu sẫm đang gắn bánh mài và gắn dây điện màu vàng có phích cắm;

+ 01 (một) cờ lê kim loại có màu trắng - bạc, kích thước 11 cm, loại đầu ốc cỡ 8 - 10;

+ 01 (một) đèn pin vỏ nhựa, có dây đeo, đã qua sử dụng.

Tất cả các vật chứng trên đều được dán giấy niêm phong có chữ ký và đóng dấu của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh C.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện

đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện theo ủy quyền của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu và phù hợp với vật chứng đã thu được của bị cáo Đàm Văn N. Cụ thể: Khoảng 17 giờ ngày 26/11/2024, tại mỏ quặng L, thuộc Công ty Cổ phần K1 có địa chỉ xóm P - Cô B, xã P, huyện T, tỉnh C, Đàm Văn N, sinh năm 1986, trú tại xóm P, xã Đ, huyện T, tỉnh C thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô; 14 lít dầu nhớt; 01 động cơ điều tốc; 02 bảng điện của Công ty Cổ phần K1 có giá trị 2.497.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo N nhận thức được việc làm của mình là sai, trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo N trộm cắp tài sản có giá trị 2.497.000 đồng. Do đó, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đủ căn cứ cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự mới tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết tội bị cáo Đàm Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đàm Văn N là người nghiện ma túy nên có nhân thân xấu. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi trộm cắp của mình và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, khi quyết định hình phạt cần được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đàm Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 12 tháng tù. Xét thấy mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nguồn thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: 01 (một) con dao quắm bằng kim loại có tra cán gỗ, chiều dài 39 cm, phần kim loại dài 30 cm, phần cán gỗ dài 9 cm; 02 (hai) ổ khóa Việt Tiệp đã bị hư hại; 01 (một) thanh kim loại hình chữ “T” có màu xám đen, kích thước 17 cm, một đầu có gắn hình trụ tròn; 01 (một) máy mài đã qua sử dụng có màu nâu sẫm đang gắn bánh mài và gắn dây điện màu vàng có phích cắm; 01 (một) cờ lê kim loại có màu trắng - bạc, kích thước 11 cm, loại đầu ốc cỡ 8 - 10; 01 (một) đèn pin vỏ nhựa, có dây đeo, đã qua sử dụng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với khoản tiền 260.000 đồng bị cáo có được từ việc bán chiếc động cơ điều tốc cho một người thu mua sắt vụn không biết tên, địa chỉ, tại phiên tòa hôm nay, bà H đã được Hội đồng xét xử giải thích quyền được đòi lại số tiền trên. Tuy nhiên, bà H có ý kiến là do bị cáo là đối tượng nghiện ma túy nên bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại khoản tiền này và cũng không đề nghị, yêu cầu bị cáo phải bồi thường đối với chiếc xe bị hư hại cũng như không đề nghị, yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Các nhận định khác:

Đối với việc xe mô tô bị hư hại, Đàm Văn N khai nhận: do muốn sử dụng xe mô tô đã lấy trộm được mà không bị phát hiện nên Đàm Văn N đã cố ý tháo phần nhựa, đầu xe, yếm, biển kiểm soát và mài hết phần số khung, số máy. Hành vi của N không cấu thành tội Hủy hoại tài sản do xe mô tô tại thời điểm bị lấy trộm có giá trị 1.167.000 đồng (tối đa không quá 2.000.000 đồng), hiện nay xe mô tô vẫn có thể sử dụng một số chức năng cơ bản như di chuyển, chuyên chở bình thường trong điều kiện có ánh sáng. Khi được trả lại tài sản, phía bị hại không yêu cầu Đàm Văn N bồi thường, khắc phục hậu quả. Do vậy, không đủ căn cứ để kết luận Đàm Văn N phạm tội Hủy hoại tài sản theo quy định tại Điều 178 Bộ luật Hình sự;

Đối với 02 ổ khóa Việt Tiệp bị Đàm Văn N cậy phá. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra yêu cầu định giá tài sản số 554/YC-ĐTTH ngày

21/5/2024 để định giá tài sản. Do không có đầy đủ thông tin nên ngày 12/6/2024, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện T đã trả lời công văn số 07/HĐ ĐGTS từ chối định giá tài sản vì lý do không đủ thông tin. Đối với 02 (hai) ổ khóa, 01 (một) chiếc kim, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng Hình sự huyện T không tiến hành định giá do không có đủ căn cứ, thông tin. Tuy nhiên, không ảnh hưởng đến quá trình truy tố, xét xử đối với Đàm Văn N;

Đối với 01 (một) động cơ điều tốc và 01 (một) thanh kim loại, N lấy trộm sử dụng để cạy phá khóa, N đã bán cho một người đàn ông thu mua phế liệu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng không thu giữ được;

[9] Về án phí: Bị cáo Đàm Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và điều luật áp dụng: Tuyên bố bị cáo Đàm Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đàm Văn N 09 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 20/5/2024;

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao quắm bằng kim loại có tra cán gỗ, chiều dài 39 cm, phần kim loại dài 30 cm, phần cán gỗ dài 9 cm; 02 (hai) ổ khóa Việt Tiệp đã bị hư hại; 01 (một) thanh kim loại hình chữ “T” có màu xám đen, kích thước 17 cm, một đầu có gắn hình trụ tròn; 01 (một) máy mài đã qua sử dụng có màu nâu sẫm đang gắn bánh mài và gắn dây điện màu vàng có phích cắm; 01 (một) cờ lê kim loại có màu trắng - bạc, kích thước 11 cm, loại đầu ốc cỡ 8 - 10; 01 (một) đèn pin vỏ nhựa, có dây đeo, đã qua sử dụng.

Tất cả các vật chứng trên đều được dán giấy niêm phong có chữ ký và đóng dấu của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh C.

Xác nhận số vật chứng trên đã chuyển sang cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trùng Khánh tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/8/2024.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đàm Văn N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo Đàm Văn N, người được ủy quyền của bị hại. Bị cáo N và người được ủy quyền của bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện;
- Công an huyện; Nhà tạm giữ CATK;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND xã Đình Phong (Bằng TB);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bế Thị Thùy Linh